

UNIT 2 – PLUS 6

Part 1: Viết từ vựng tiếng Anh

thêm vào: _____

tiệc nướng ngoài trời: _____

lễ hội âm nhạc đường phố: _____

tổ chức lễ kỉ niệm: _____

lễ kỉ niệm: _____

người nổi tiếng: _____

cuộc thi tìm hiểu về văn hóa: _____

mang tính quốc tế: _____

rất nhỏ: _____

có trật tự, có ngăn nắp: _____

cha/mẹ: _____

gấu Bắc Cực: _____

thư giãn: _____

được chào đón: _____

Part 2: Viết từ vựng sang tiếng Việt

add (v): _____

barbecue (n): _____

carnival (n): _____

celebrate (n): _____

celebration (n): _____

celebrity (n): _____

culture quiz (n): _____

general (adj): _____

mini (adj): _____

organised (adj): _____

parent (n): _____

polar bear (n): _____

relax (v): _____

welcome (adj): _____